

Số: 2987/QĐ-UBND

Thạch An, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao, điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Thạch An (lần 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Phân cấp cho Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố phân bổ ngân sách nhà nước chi tiết theo danh mục dự án đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi, địa bàn quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2022, 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai trên địa bàn huyện Thạch An;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc giao, điều chỉnh, bổ sung Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc phân bổ ngân sách Nhà nước năm 2024 tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai trên địa bàn huyện Thạch An (lần 1);

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về việc điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2024; điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thạch An về điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024; điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Thạch An (lần 3);

Căn cứ Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (nguồn vốn sự nghiệp);

Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao chi tiết danh mục, kế hoạch vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Thạch An;

Căn cứ Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2024; giao điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (lần 2);

Căn cứ Thông báo số 290/TB-VP ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nông Thế Phúc tại cuộc họp lãnh đạo UBND huyện tuần thứ 44, năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 135/HĐND-VP ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc cho ý kiến một số nội dung liên quan đến ngân sách, các chương trình mục tiêu quốc gia, kế hoạch đầu tư công huyện Thạch An;

Căn cứ Thông báo số 199-TB/VPKHU ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Văn phòng Huyện ủy Kết luận cuộc họp Thường trực huyện ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 huyện Thạch An; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Thạch An (lần 3) như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 huyện Thạch An:

1.1. Điều chỉnh vốn năm 2022

1.1.1. Vốn đầu tư

* Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

+ Bổ sung kế hoạch vốn 01 công trình với số vốn 146,858 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

+ Điều chỉnh giảm vốn kế hoạch 04 công trình với số vốn 146,858 triệu đồng.

1.1.2. Vốn sự nghiệp

* Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Dự án 1- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của phòng Dân Tộc, với số vốn 800 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm các xã, thị trấn, với số vốn 800 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01, 05)

1.2. Điều chỉnh vốn năm 2023

1.2.1. Vốn sự nghiệp

* Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Dự án 1- Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của phòng Dân Tộc, với số vốn 1.173,287873 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn các xã, thị trấn với số vốn 1.173,287873 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 06)

2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Thạch An (lần 3), cụ thể như sau:

2.1. Điều chỉnh phần vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc giao kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

2.1.1. Vốn đầu tư

a. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào dân tộc DTTS và MN

+ Điều chỉnh giai đoạn thực hiện dự án 03 dự án.

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 01 công trình, với số vốn 12,457 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 02, 04 kèm theo)

b. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Điều chỉnh giai đoạn thực hiện dự án: 02 dự án. *(Chi tiết tại biểu số 04).*

2.1.2. Vốn sự nghiệp

a. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:
- + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của phòng Dân tộc, với số vốn 206 triệu đồng.
- + Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các xã, thị trấn với số vốn 206 triệu đồng.
- Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc:
- + Điều chỉnh giảm đưa ra khỏi danh mục 02 dự án, với số vốn 400 triệu đồng.
- + Bổ sung 02 danh mục mới, với số vốn 400 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 07)

b. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Dự án 1-Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo
- + Điều chỉnh giảm đưa ra khỏi danh mục 01 dự án, với số vốn 400 triệu đồng.
- + Bổ sung 01 danh mục mới, với số vốn 400 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 08 kèm theo)

2.2. Điều chỉnh phân vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc điều chỉnh, bổ sung vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2024; điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (lần 2):

2.2.1. Vốn đầu tư

a. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống vùng đồng bào dân tộc DTTS và MN
- + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 03 công trình, với số vốn 74,118 triệu đồng.
- + Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 02 công trình, với số vốn 61,661 triệu đồng.
- Dự án 5: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường PTDTNT, BT
- + Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 02 công trình, với số vốn 93,417 triệu đồng.
- + Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 1 công trình, với số vốn 93,417 triệu đồng.
- Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

+ Điều chỉnh giai đoạn thực hiện dự án 01 dự án.

(Chi tiết tại Biểu số 02, 04 kèm theo)

b. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

- Dự án 1: Hỗ trợ phát triển kinh tế hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 03 công trình, với số vốn 154,307985 triệu đồng.

+ Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 03 công trình, với số vốn 154,307985 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương (phòng Dân tộc, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024.

2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao, điều chỉnh, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ giải ngân; thanh toán, quyết toán vốn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Dân tộc, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban dân tộc tỉnh;
- TT. Huyện ủy (b/c);
- TT. HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- UBND 14 xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



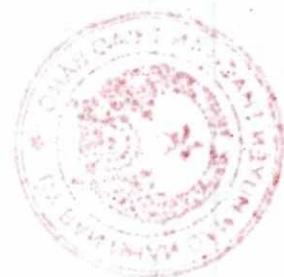
Nông Thế Phúc



Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban huyện Thạch An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư của dự án			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Vốn kế hoạch năm 2022	Vốn đã giải ngân từ khối công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn kéo dài sau điều chỉnh			Ghi chú	
								Số, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư					Tổng vốn	Số vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024	Vốn kế hoạch năm 2024	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024	Vốn kế hoạch năm 2024		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Đối ứng NSDP												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG								4.602,767	4.602,767	-	4.602,767		3.053,142	3.200,000	146,858		146,858	146,858	146,858	146,858		
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								4.602,767	4.602,767	-	4.602,767		3.053,142	3.200,000	146,858		146,858	146,858	146,858	146,858		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								1.402,767	1.402,767	-	1.402,767		-	-	-	-	146,858	146,858	146,858			
	* Nước sinh hoạt tập trung								1.402,767	1.402,767	-	1.402,767		-	-	-	-	146,858	146,858	146,858			
1.1	Nước sinh hoạt tập trung Khuổi Đeng - Pò Bấu, xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Quang Trọng	xã Quang Trọng				2024-2025		1.402,767	1.402,767		1.402,767		-				146,858	146,858	146,858		Bổ sung nguồn vốn	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc								3.200,000	3.200,000	-	3.200,000	3.200,000	3.053,142	3.200,000	146,858		146,858	0,000	0,000			
	* Cải tạo nâng cấp chợ DTTS								800,000	800,000	-	800,000	800,000	781,947	800,000	18,053		18,053	0,000	0,000			
2.1	Nâng cấp, cải tạo chợ xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐT&XD huyện Thạch An	xã Quang Trọng		7976118		2022-2023	2737/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	800,000	800,000		800,000	800,000	781,947	800,000	18,053		18,053	0,000	0,000		Điều chỉnh theo QĐ số 1015/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng	
	* Cải tạo trạm y tế xã								2.400,000	2.400,000	-	2.400,000	2.400,000	2.271,195	2.400,000	128,805		128,805	0,000	0,000			
2.2	Trạm y tế xã Trọng Con, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐT&XD huyện Thạch An	xã Trọng Con		7979410		2022	2742/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	800,000	800,000		800,000	800,000	730,783	800,000	42,762		42,762	0,000	0,000		Điều chỉnh theo QĐ số 1015/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng	
2.3	Trạm y tế xã Văn Trinh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐT&XD huyện Thạch An	xã Văn Trinh		7975716		2022	2741/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	800,000	800,000		800,000	800,000	757,238	800,000	69,217		69,217	0,000	0,000		Điều chỉnh theo QĐ số 1015/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng	
2.4	Trạm y tế xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐT&XD huyện Thạch An	xã Kim Đồng		7974295		2022	2740/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	800,000	800,000		800,000	800,000	783,174	800,000	16,826		16,826	0,000	0,000		Điều chỉnh theo QĐ số 1015/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng	





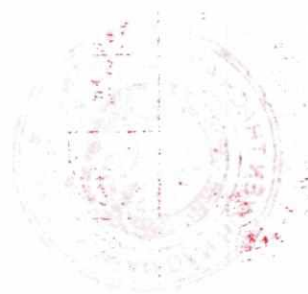
Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRƯỞNG ƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẮC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 (LẦN 3)

(Kèm theo Quyết định số 29.84/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án		Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy từ vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (Theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25/12/2023)				Kế hoạch vốn năm 2024 (Theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 26/9/2024)				Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú									
					Quyết định phê duyệt dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP											
								Tỉnh	Huyện				Tỉnh	Huyện			Tỉnh	Huyện					Tỉnh	Huyện										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	34		
	Tổng									35.956,000	32.260,000	1.600,000	2.096,000	35.956,000	24.301,000	294,543	294,543	-	-	7.352,357	7.352,357	-	-	167,535000	167,535000	7.646,900000	7.646,900000	-	-					
1	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đông bắc dân tộc thiểu số và miền núi									35.956,000	32.260,000	1.600,000	2.096,000	35.956,000	24.301,000	294,543	294,543	-	-	7.352,357	7.352,357	-	-	167,535000	167,535000	7.646,900000	7.646,900000	-	-					
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đông bắc DTTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc									24.900,000	22.660,000	1.600,000	640,000	24.900,000	18.785,000	294,543	294,543	-	-	3.848,357	3.848,357	-	-	74,118000	74,118000	4.142,900000	4.142,900000	-	-					
1.1	Nâng đường liên xã Kim Đồng - Canh Tân, huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	Kim Đồng - Canh Tân	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7975338		2022-2024	2380/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.800,000	10.560,000	1.600,000	640,000	12.800,000	10.940,000							1.122,595	1.122,595			20,020483		1.102,574517	1.102,574517					Hết nhiệm vụ chi	
1.2	Nâng cấp đường nội thị xã Quảng-Sông Nhãn, thôn Bản Nhãn, xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Thụy Hùng	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8094384		2024-2025	2746/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.200,000	3.200,000			3.200,000	-							2.113,221	2.113,221			34,168517		2.079,052483	2.079,052483					Đưa chuyển cho dự án khác	
1.3	Mô môi trường GTNT Phai Thôn - Nậm Cọ, xóm Pác Nậm, xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Minh Khai	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7975715		2022-2023	2735/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.000,000	3.000,000			3.000,000	2.717,000							230,834	230,834			19,929000		210,905000	210,905000					Hết nhiệm vụ chi	
1.4	Mô môi trường sản xuất Kéo Mỹ - Kéo Ái, thôn Tân Tiến, xã Thái Cường, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Thái Cường	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7979409		2023-2025	2909/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	1.900,000	1.900,000			1.900,000	1.535,000							355,515	355,515			0,182000		355,697000	355,697000					Bổ sung từ vốn	
1.5	Đường nội đồng sản xuất ngoại-Hàng thối, xã Lê Lợi, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Lê Lợi	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7974304		2022-2023	2738/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	1.000,000	1.000,000			1.000,000	900,000							26,192	26,192			61,479000		87,671000	87,671000					Bổ sung từ vốn	
1.6	Cấp điện sinh hoạt xóm Nà Ân, xóm Bản Nhãn, xã Thụy Hùng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Thụy Hùng	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7976117		2022-2023	2746/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	3.000,000	3.000,000			3.000,000	2.693,000	294,543	294,543										12,457000		307,000000	307,000000					Bổ sung từ vốn
2	Dự án 5: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường PTDTNT, HT									11.856,000	9.600,000	-	1.456,000	11.856,000	5.516,000						3.504,000	3.504,000	-	-	93,417000	93,417000	3.504,000000	3.504,000000	-	-				
2.1	Trường Tiểu học &THCS Minh Khai, xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Minh Khai	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8096507		2024-2025	1944/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	2.856,000	1.400,000		1.456,000	2.856,000	-							951,348	951,348			93,417000		1.044,765000	1.044,765000					Bổ sung vốn	
2.2	Trường PT Dân tộc bán trú THCS Đức Thông, xã Đức Thông, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Đức Thông	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	7971830		2022-2023	2494/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	5.000,000	5.000,000			5.000,000	4.900,000							95,652	95,652			91,304000		4,348000	4,348000					Hết nhiệm vụ chi	
2.3	Trường bán trú TH & THCS Quang Trung, xã Quang Trung	Ban QLDA DT&XD huyện Thạch An	xã Quang Trung	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8042336		2023-2025	1648/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	3.200,000	3.200,000			3.200,000	616,000							2.457,000	2.457,000			2,113000		2.454,887000	2.454,887000					Hết nhiệm vụ chi	





Biểu số 03

PHẠM CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRƯỞNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 (LẦN 3)

(Kèm theo Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy từ vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (Theo Quyết định số 2496/QĐ-UBND ngày 26/9/2024)				Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú							
							Quyết định phê duyệt dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đối ứng NSDP									
										Tỉnh	Huyện				Tỉnh	Huyện					Tỉnh	Huyện								
1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14	17	18	19	20	22	23	24	26	27	28	29	30	32						
	Tổng							45.843,000	45.843,000	-	-	45.843,000	28.087,000	15.009,046	15.009,046	-	-	154,307985	154,307985	15.009,046000	15.009,046000			-						
I	CTMTQG giảm nghèo bền vững							45.843,000	45.843,000	-	-	45.843,000	28.087,000	15.009,046	15.009,046	-	-	154,307985	154,307985	15.009,046000	15.009,046000									
*	Dự án 1: Hỗ trợ phát triển kinh tế hộ tăng kinh tế - xã hội các huyện nghèo							45.843,000	45.843,000	-	-	45.843,000	28.087,000	15.009,046	15.009,046	-	-	154,307985	154,307985	15.009,046000	15.009,046000	-	-							
1	Công trình Nhà Văn hóa xã Lê Lợi	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	xã Lê Lợi	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7972259		2023-2025	2529/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	3.200,000	3.200,000			3.200,000	1.150,000	1.959,541	1.959,541			1,000000						Hà nhiệm vụ chi					
2	Công trình đường giao thông liên xã Nà Sông (Lê Lai) - Nà Tục (Đức Xuân)	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	xã Đức Xuân	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7979022		2022-2024	2581/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	9.800,000	9.800,000			9.800,000	8.780,000	515,423	515,423			8,979844						506,443156	506,443156				Hà nhiệm vụ chi
3	Công trình giao thông liên xã Nà Dê (Thị trấn Đồng Khê) - Nà Niang (Lê Lợi)	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	TT Đồng Khê - Lê Lợi	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7975324		2023-2025	2715/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	6.800,000	6.800,000			6.800,000	1.700,000	4.397,150	4.397,150			144,328141						4.252,821859	4.252,821859				Điều chỉnh cho dự án khác
4	Trường Mầm non Canh Tân, xã Canh Tân	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	xã Canh Tân	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7978909		2023-2025	2913/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	6.423,000	6.423,000			6.423,000	1.300,000	4.367,932	4.367,932			108,588000						4.476,520000	4.476,520000				Bổ sung đủ vốn
5	Công trình đường giao thông liên xã Cầu Lân (xã Đức Thông)-Cạm Kháng (xã Trọng Con)	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	xã Đức Thông-Trọng Con	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7971831		2022-2024	2577/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.620,000	12.620,000			12.620,000	10.557,000	1.785,000	1.785,000			44,269000						1.829,169000	1.829,169000				Bổ sung đủ vốn
6	Công trình điện sinh hoạt xóm Nam Quang, xã Trọng Con	Ban QLDAĐT&XD huyện Thạch An	xã Trọng Con	Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng	7977944		2022-2024	2937/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	7.000,000	7.000,000			7.000,000	4.600,000	1.984,000	1.984,000			1,450985						1.985,450985	1.985,450985				Bổ sung đủ vốn



Biểu số 04
ĐIỀU CHỈNH GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 (LẦN 3)
(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bỏ từ hết kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024 (Theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25/12/2023)		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú			
								Quyết định phê duyệt dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đầu ứng NSDP				Huy động khác và nhân dân	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	Đầu ứng NSDP		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NSTW	Đầu ứng NSDP	
											Tỉnh	Huyện						Tỉnh	Huyện						Tỉnh	Huyện
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21	22	23	25	26	27	28	29	30
	Tổng								8.208,000	8.181,000	-	-	27,000	8.208,000		1.109,000	1.109,000	-	-	-	-	1.109,000	1.109,000	-	-	-
I	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								7.641,000	7.641,000	-	-	-	7.641,000		1.074,000	1.074,000	-	-	-	-	1.074,000	1.074,000	-	-	-
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc								7.300,000	7.300,000	-	-	-	7.300,000		1.050,000	1.050,000	-	-	-	-	1.050,000	1.050,000	-	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2024																									
1.1	Đường sản xuất Khuổi Kẹn - Nà Luông, xã Thái Cường, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Thái Cường	Xã Thái Cường				2024-2025	2527/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	3.000,000	3.000,000				3.000,000	-	400,000	400,000					400,000	400,000			
1.2	Đường nội đồng Khuổi Vàng, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Lê Lai	Thôn Nà Linh	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8107337		2024-2025	2281/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1.100,000	1.100,000				1.100,000	-	300,000	300,000					300,000	300,000			
1.3	Mở mới đường GTNT Bản Sộc, xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Kim Đồng	Thôn Bản Sộc, Xã Kim Đồng				2024-2025	2589/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	3.200,000	3.200,000				3.200,000	-	350,000	350,000					350,000	350,000			
2	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								341,000	341,000	-	-	-	341,000		24,000	24,000	-	-	-	-	24,000	24,000	-	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2024																									
2.1	Nhà văn hóa xóm Tân Tiến xã Canh Tân	UBND xã Canh Tân	Xã Canh Tân	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8094718		2024-2025	02/QĐ-UBND ngày 19/6/2024, 40/QĐ-	341,000	341,000				341,000	-	24,000	24,000					24,000	24,000			
II	CTMTQG xây dựng nông thôn mới								567,000	540,000	-	-	27,000	567,000		35,000	35,000	-	-	-	-	35,000	35,000	-	-	-
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2024																									
1.1	Bê tông mặt đường đoạn Lằng Lằng - Nà Keng, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Lê Lai	Xã Lê Lai	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8105560		2024-2025	1716/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	315,000	300,000			15,000	315,000	-	20,000	20,000					20,000	20,000			
1.2	Bê móng sinh hoạt 60 khối và các công trình phụ trợ xóm Nà Keng, xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	UBND xã Lê Lai	Xã Lê Lai	Số Tài chính tỉnh Cao Bằng	8105559		2024-2025	1914/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	252,000	240,000			12,000	252,000	-	15,000	15,000					15,000	15,000			

Biểu số 05

ĐIỀU CHỈNH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2022 KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024 (VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2022 (Đã giao theo Quyết định số 2524a/QĐ-UBND ngày 19/8/2022)	Tăng	Giảm	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	
			Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán				Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	
	TỔNG CỘNG (I+II)	800,000	800,000	800,000000	800,000000	800,000000	800,000000	
I	CẤP HUYỆN	800,000	800,000		800,000000	-	-	
1	Phòng Dân tộc	800,000	800,000		800,000000	-	-	
II	CẤP XÃ	0,000	0,000	800,000000		800,000000	800,000000	
1	Xã Thụy Hùng		0,000	12,000000		12,000000	12,000000	
2	Xã Lê Lai		0,000	12,000000		12,000000	12,000000	
3	Xã Canh Tân		0,000	30,000000		30,000000	30,000000	
4	Xã Lê Lợi		0,000	70,000000		70,000000	70,000000	
5	Xã Trọng Con		0,000	120,000000		120,000000	120,000000	
6	Xã Thái Cường		0,000	12,000000		12,000000	12,000000	
7	Xã Minh Khai		0,000	90,000000		90,000000	90,000000	

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2022 (Đã giao theo Quyết định số 2524a/QĐ-UBND ngày 19/8/2022)	Tăng	Giảm	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	
			Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán				Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	
8	Xã Đức Xuân		0,000	50,000000		50,000000	50,000000	
9	Xã Vân Trình		0,000	12,000000		12,000000	12,000000	
10	TT Đông Khê		0,000	12,000000		12,000000	12,000000	
11	Xã Đức Thông		0,000	150,000000		150,000000	150,000000	
12	Xã Kim Đồng		0,000	180,000000		180,000000	180,000000	
13	Xã Quang Trọng		0,000	50,000000		50,000000	50,000000	

Biểu số 06

ĐIỀU CHỈNH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NĂM 2023 KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024 (VỐN SỰ NGHIỆP)



(Kèm theo Quyết định số 2984 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2023 (Đã giao theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 28/12/2022)	Tăng	Giảm	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	
			Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán				Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	
	TỔNG CỘNG (I+II)	3.228,000	3.228,000	1.173,287873	1.173,287873	3.228,000000	3.228,000000	
I	CẤP HUYỆN	3.228,000	3.228,000		1.173,287873	2.054,712127	2.054,712127	
1	Phòng Dân tộc	3.228,000	3.228,000		1.173,287873	2.054,712127	2.054,712127	
II	CẤP XÃ	0,000	0,000	1.173,287873		1.173,287873	1.173,287873	
1	Xã Thụy Hùng		0,000	36,000000		36,000000	36,000000	
2	Xã Lê Lai		0,000	36,000000		36,000000	36,000000	
3	Xã Canh Tân		0,000	55,000000		55,000000	55,000000	
4	Xã Lê Lợi		0,000	35,000000		35,000000	35,000000	
5	Xã Trọng Con		0,000	160,000000		160,000000	160,000000	

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2023 (Đã giao theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 28/12/2022)	Tăng	Giảm	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	
			Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán				Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	
6	Xã Thái Cường		0,000	36,000000		36,000000	36,000000	
7	Xã Minh Khai		0,000	140,000000		140,000000	140,000000	
8	Xã Đức Xuân		0,000	35,000000		35,000000	35,000000	
9	Xã Vân Trình		0,000	41,000000		41,000000	41,000000	
10	TT Đông Khê		0,000	30,000000		30,000000	30,000000	
11	Xã Đức Thông		0,000	140,000000		140,000000	140,000000	
12	Xã Kim Đồng		0,000	394,287873		394,287873	394,287873	
13	Xã Quang Trọng		0,000	35,000000		35,000000	35,000000	



Biểu số 07

ĐIỀU CHỈNH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 LẦN 3
(VỐN SỰ NGHIỆP)

(Kèm theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2024 (Đã giao theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25/12/2023)				Tăng	Giảm	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh				Ghi chú
			Cộng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Cộng	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				Cộng	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Cộng	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	
	TỔNG CỘNG	5.136,000	4.736,000	4.736,000	400,000	Duy tu bảo dưỡng	606,000	606,000	5.136,000	4.736,000	4.736,000	400,000	Duy tu bảo dưỡng	
I	CẤP HUYỆN	206,000	206,000	206,000	-	-	-	206,000		-	-	-	-	
1	Phòng Dân tộc	206,000	206,000	206,000				206,000		-	-			
II	CẤP XÃ	4.930,000	4.530,000	4.530,000	400,000		606,000	400,000	5.136,000	4.736,000	4.736,000	400,000		
1	Thị trấn Đông Khê	480,000	230,000	230,000	250,000	Mương thủy lợi Nà Dề, thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	262,000	250,000	492,000	242,000	242,000			Điều chỉnh giảm đưa ra khỏi danh mục
												250,000	Đường Giao thông nông thôn Nà Dề, thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Bổ sung danh mục mới
2	Xã Kim Đồng	660,000	510,000	510,000	150,000	Mương thủy lợi Nà Chảo xóm Nặm Nàng, xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	176,000	150,000	686,000	536,000	536,000			Điều chỉnh giảm đưa ra khỏi danh mục
												150,000	Mương Thủy lợi Đông Slán, xóm Nà Vai, xã Kim Đồng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Bổ sung danh mục mới
3	xã Thụy Hùng	500,000	500,000	500,000			12,000		512,000	512,000	512,000			
4	xã Lê Lai	-	-	-			12,000		12,000	12,000	12,000			
5	xã Canh Tân	270,000	270,000	270,000			15,000		285,000	285,000	285,000			
6	xã Lê Lợi	240,000	240,000	240,000			15,000		255,000	255,000	255,000			
7	xã Trọng Con	350,000	350,000	350,000			20,000		370,000	370,000	370,000			
8	xã Thái Cường	240,000	240,000	240,000			12,000		252,000	252,000	252,000			
9	xã Minh Khai	420,000	420,000	420,000			20,000		440,000	440,000	440,000			
10	xã Đức Xuân	380,000	380,000	380,000			15,000		395,000	395,000	395,000			
11	xã Văn Trinh	240,000	240,000	240,000			12,000		252,000	252,000	252,000			
12	xã Đức Thông	450,000	450,000	450,000			20,000		470,000	470,000	470,000			
13	xã Quang Trọng	700,000	700,000	700,000			15,000		715,000	715,000	715,000			

94



Biểu số 08

**ĐIỀU CHỈNH VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 LẦN 3
(VỐN SỰ NGHIỆP)**

(Kèm theo Quyết định số 2984 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2024 (Đã giao theo Quyết định số 3192/QĐ-UBND ngày 25/12/2023)		Tăng	Giảm	Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng vốn	Dự án 1-Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			Tổng vốn	Dự án 1-Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	
	TỔNG CỘNG	400,000		400,000	400,000	400,000		
I	CẤP XÃ	400,000		400,000	400,000	400,000		
1	Xã Đức Xuân	400,000	Duy tu bảo dưỡng công trình đường giao thông Nà Tục, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		400,000			Điều chỉnh giảm đưa ra khỏi danh mục
				400,000		400,000	Duy tu, bảo dưỡng Mương thủy lợi Vằng Sli - Nà Lin, xóm Tục Ngã, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Bổ sung danh mục mới

